

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 92/2022/HNGĐ- ST
Ngày 15/7/2022
“V/v: Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT- TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Bà Nguyễn Thị Bạ;
 2. Bà Nguyễn Thị Bình;
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Cường - Chức vụ: Kiểm sát viên;

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 134/2022/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2022/QĐST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà H N Byă - Sinh năm 1989;

Địa chỉ: 35 trục lộ 3, Buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Ông Y X Kbuôr - Sinh năm 1993;

Địa chỉ: Buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bà H N Byă trình bày có nội dung:

Bà và ông Y X Kbuôr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/01/2014 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Vợ chồng có 02 con chung là cháu H’ R Buôn Yă sinh ngày 10/11/2011 và cháu Y G Byă sinh ngày 17/4/2014;

Quá trình chung sống vợ chồng sống thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do hai vợ chồng tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã; ông Y X thường chửi bới, đánh đập và sỉ nhục gia đình bà dẫn đến mất tình cảm vợ chồng. Cuộc sống chung không có hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay xét thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên bà H N Byă yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Y X Kbuôr;

Về con chung: Hiện nay cả hai cháu H' R Buôn Yă sinh ngày 10/11/2011 và cháu Y G Byă sinh ngày 17/4/2014 đều đang chung sống với bà; bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H N Byă không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H N Byă xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông Y X Kbuôr nhưng ông Y X Kbuôr vẫn cố tình lẩn tránh; do đó Tòa án không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải cho các đương sự được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án, xét thấy bà H N Byă và ông Y X Kbuôr tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay bà H N Byă có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Y X Kbuôr là có cơ sở chấp nhận;

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận đơn khởi kiện của bà H N Byă về việc ly hôn với ông Y X Kbuôr. Về con chung: Giao con chung H' R Buôn Yă sinh ngày 10/11/2011 và cháu Y G Byă sinh ngày 17/4/2014 cho bà H N Byă trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn bà H N Byă có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Y X Kbuôr có nơi cư trú tại Buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- *Về thủ tục tố tụng*: Xét thấy nguyên đơn bà H N Byă có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Y X Kbuôr đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H N Byă và ông Y X Kbuôr tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình duy trì hôn nhân, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay;

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện việc mâu thuẫn vợ chồng bà H N Byă, ông Y X Kbuôr phát sinh đã lâu và kéo dài đến nay; mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó cần chấp nhận nguyện vọng ly hôn của bà H N Byă là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Về con chung: Các con chung là H' R Buôn Yă sinh ngày 10/11/2011 và cháu Y G Byă sinh ngày 17/4/2014 đều đang ở với mẹ và đều có nguyện vọng được ở với mẹ; do đó cần giao các con chung H' R Buôn Yă sinh ngày 10/11/2011 và cháu Y G Byă sinh ngày 17/4/2014 cho bà H N Byă trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H N Byă không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Ông Y X Kbuôr có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở;

Về tài sản chung: Bà H N Byă không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Bà H N Byă phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H N Byă về việc yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Y X Kbuôr;

Về quan hệ hôn nhân: Bà H N Byă được ly hôn với ông Y X Kbuôr;

Về con chung: Giao con chung là cháu H' R Buôn Yă sinh ngày 10/11/2011 và cháu Y G Byă sinh ngày 17/4/2014 cho bà H N Byă trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H N Byă không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Ông Y X Kbuôr có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở;

Về tài sản chung: Bà H N Byă không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Bà H N Byă phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà H N Byă đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0012369 ngày 02 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Nguyên đơn bà H N Byă, bị đơn ông Y X Kbuôr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- UBND phường T (Số 11/2014, quyền số 01/2014, ngày 20/01/2014);
- Thi hành án dân sự TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương

